

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HS-ST.
Ngày 15 tháng 8 năm 2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Huy Tường

Ông Nguyễn Tiến Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Triệu Minh T**, sinh năm 2002 tại Lạng Sơn; tên gọi khác: không; nơi cư trú: thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn Đ, xã C, tỉnh Lạng Sơn); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn C và bà Lương Thị L; có vợ là Hoàng Thị N và 01 con sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: ngày 24/10/2022 Triệu Minh T bị Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 20 tháng, đã chấp hành xong 05/8/2024. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2025, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam V, Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh B. (Có mặt)

2. Họ và tên: **Ma Văn L1**, sinh năm 1999 tại Cao Bằng; tên gọi khác: không; nơi cư trú: xóm N, xã N, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (nay là thôn N, xã H, tỉnh Cao Bằng); nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Kiên L2 và bà Lục Thị P; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm

giám từ ngày 28/3/2025, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam V, Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh B. (Có mặt)

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1987 tại Điện Biên; tên gọi khác: không; nơi cư trú: tổ B, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là tổ B, phường M, tỉnh Điện Biên); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L3; có vợ là Quàng Thị C1 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 26/2012/HSST ngày 19/12/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt Nguyễn Văn M 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù ngày 18/3/2013, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm ngày 28/9/2014; Bản án số 67/2015/HSST ngày 17/6/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt Nguyễn Văn M 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù ngày 07/4/2016, chấp hành xong án phí ngày 10/9/2015; Bản án số 38/2017/HSST ngày 15/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên xử phạt Nguyễn Văn M 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù ngày 12/10/2018, đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm ngày 25/9/2017; Ngày 17/12/2006 Nguyễn Văn M bị Công an phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt vi phạm hành chính số tiền 200.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản (đã nộp phạt ngày 17/12/2006). Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2025, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam V, Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh B. (Có mặt)

- **Bị hại:** Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 2006 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn S, xã T, tỉnh Lạng Sơn).

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Lò Thị L4, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (nay là thôn H, xã M, tỉnh Điện Biên).

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố S, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố S, phường N, tỉnh Bắc Ninh).

2. Anh Lê Văn L5, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố N, phường N, tỉnh Bắc Ninh).

3. Chị Hoàng Thị N, sinh năm 2004 (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. (nay là thôn Đ, xã C, tỉnh Lạng Sơn).

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố T, phường N, tỉnh Bắc Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Triệu Minh T, sinh năm 2002, trú tại thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã C, tỉnh Lạng Sơn), thuê ở trọ tại tổ dân phố M, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh) và Ma Văn L1, sinh năm 1999, trú tại xóm N, xã N, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (nay là xã H, tỉnh Cao Bằng) quen biết nhau và đều là người sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 11 giờ, ngày 25/3/2025, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 12ZA-012.30 mượn của vợ là chị Hoàng Thị N, sinh năm 2004, đi đến khu vực hầm chui qua đường cao tốc, thuộc tổ dân phố N, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh) chơi thì gặp Ma Văn L1. Do không có tiền chi tiêu cá nhân, T rủ L1 đi vào trong Khu công nghiệp Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) tìm ai để tài sản sơ hở thì trộm cắp, L1 đồng ý. T điều khiển xe mô tô chở L1 ngồi sau đi qua nhiều tuyến đường thuộc Khu công nghiệp Q nhưng chưa trộm cắp được tài sản của ai. Khoảng 17 giờ cùng ngày, L1 rủ T đi đến Công ty trách nhiệm hữu hạn C2 (viết tắt là Công ty C2, ở Khu công nghiệp Đ, thuộc địa phận tổ dân phố M, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh) để trộm cắp xe của công nhân, vì trước đó L1 biết Công ty không bố trí người trông giữ xe mô tô, công nhân tự để xe trên hành lang cạnh tường bao. Khi đến cổng Công ty C2, T đỗ xe mô tô ở ngoài cổng để cảnh giới, L1 đi bộ vào trong Công ty trộm cắp xe mô tô. L1 đi qua cổng Công ty khoảng 10m, thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave màu sơn đen- bạc, không gắn biển kiểm soát, có số máy JA70E0675710, số khung RLHJA3930RY253298 (kết quả tra cứu đăng ký biển số 12HA-114.65) của anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 2006, trú tại thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn) đang làm công nhân tại Công ty C2 để trên hành lang, xung quang không có người trông coi. L1 đi đến cạnh xe mô tô của anh T1, thấy xe không khóa cổ, không khóa càng. L1 dùng tay dắt trộm xe mô tô của anh T1 xuống đường, rồi ngồi lên xe dùng hai chân chống xuống đất, đẩy xe ra khỏi Công ty, đi đến chỗ T đang đứng đợi. Tiếp đó, T điều khiển xe mô tô của T, dùng chân phải đạp vào để chân phía sau xe mô tô L1 vừa trộm cắp được để di chuyển cùng xe của T. Khi cả hai di chuyển xe mô tô trộm cắp đi được khoảng 200m thì L1 dừng xe, đấu nối dây điện rồi đề xe thì xe nổ máy. Do trước đó, T quen biết với Nguyễn Văn M, sinh năm 1987 ở tổ B, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là phường M, tỉnh Điện Biên), đang thuê trọ tại tổ dân phố N, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh) và biết M bán được xe trộm cắp. T đã sử

dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi A1, màu xanh lấp sim thuê bao 0867.936.907 gọi đến số 0976.344.525 của M và nói với M “em vừa nhẩy được chiếc xe, có bán được thì bán cho em”, M hiểu T nhờ bán xe trộm cắp, nên M đã đồng ý và bảo đi xe mô tô trộm cắp sang phòng trọ của M. Sau khi nhận được điện thoại của T, M sử dụng số điện thoại 0976.344.525 của M gọi vào số điện thoại 0354.141.785 của anh Lê Văn L5, sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố N, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh) là chủ cửa hàng mua bán xe máy cũ, hỏi anh L5 có mua xe máy cũ không, thì anh L5 đồng ý. Anh L5 hẹn T mang xe ra khu vực bãi đất trống ở tổ dân phố N, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh) để anh L5 xem xe. Do biết rõ chiếc xe mô tô T nhờ bán là xe do T trộm cắp mà có, để tránh bị Cơ quan điều tra tìm được chiếc xe sau khi đã bán; M mang theo 01 chiếc máy chà cầm tay, đút vào túi quần để chà làm mờ số khung và số máy của xe khi nhận của T. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T và L1 đem xe mô tô biển số 12HA-114.65 trộm cắp được của anh T1 đến gần khu nhà trọ của M đưa cho M đi bán. M mang chiếc xe trộm cắp của anh T1 đi đến khu vực bãi đất trống như đã hẹn để bán cho anh L5. Lúc này, thấy anh L5 chưa đến, M đã sử dụng máy chà mang theo chà nhiều lần làm mờ dãy số máy và số khung nguyên thủy xe mô tô của anh T1, đồng thời mở cốp xe kiểm tra. M thấy trong cốp để 01 thẻ Căn cước công dân và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe đều mang tên Nguyễn Văn T1 nên cầm cất giấu vào túi quần. Khoảng 10 phút sau, anh L5 đến điểm hẹn gặp M. Anh L5 hỏi M về giấy tờ xe thì M nói dối xe mô tô là tài sản của M, giấy tờ xe M để ở quê, do cần tiền trả tiền thuê phòng trọ nên bán. Anh L5 tin lời M nói là thật nên đã mua xe mô tô trên từ M với giá 2.000.000 đồng. M cầm tiền cùng giấy tờ xe của anh T1 đi bộ về khu vực nơi T, L1 đang đợi. M đưa tiền bán xe mô tô trộm cắp cho T, đưa Giấy đăng ký xe cùng Căn cước công dân của anh T1 cho L1 cầm. T cầm tiền rồi chia cho M 600.000 đồng, L1 800.000 đồng, còn lại T sử dụng. Sau đó, cả ba bỏ đi, trên đường bỏ đi L1 và M đã vứt số giấy tờ và chiếc máy chà xuống máng nước, không nhớ rõ chỗ vứt. Số tiền bán xe mô tô trộm cắp được các bị cáo đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngoài ra, quá trình điều tra các bị cáo còn khai nhận: ngày 27/3/2025, Triệu Minh T, Ma Văn L1 và Nguyễn Văn M còn tự mua ma túy Heroine của người không quen biết tại thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) để tự sử dụng. Sau đó, L1 mang ma túy đến khu vực nghĩa trang, còn M và T mang ma túy đến bãi đất trống, ở các địa điểm khác nhau, đều thuộc tổ dân phố N, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Ninh (nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh) để tự sử dụng hết.

Khoảng 18 giờ cùng ngày 25/3/2025, sau khi hết giờ làm việc tại Công ty, anh Nguyễn Văn T1 ra khu vực để xe mô tô lấy xe đi về thì phát hiện đã bị trộm cắp; đến ngày 27/3/2025, anh T1 đã trình báo Đồn Công an Q về việc bị trộm cắp tài sản nêu trên.

Ngày 28/3/2025, sau khi được Công an đồn Q, Công an tỉnh B (nay là tỉnh Bắc Ninh) triệu tập làm việc, thì Triệu Minh T, Ma Văn L1 và Nguyễn Văn M đã xin đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội, đồng thời T đã giao nộp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, biển số 12ZA-012.30; M giao nộp: 01 điện thoại di động Redmi A1 màu xanh, số Imei1: 866681066256942; số Imei2: 866681066256959. Cùng ngày, Đ1 Công an Q đã thu giữ của anh L5: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave không gắn biển số mua của M. Sau đó, Đồn Công an Q đã bàn giao T, L1, M cùng vật chứng và tài liệu liên quan đến Cơ quan điều tra để điều tra theo thẩm quyền. Cơ quan điều tra đã sử dụng que test để kiểm tra việc sử dụng ma túy của các đối tượng, kết quả: T, L1 và M đều dương tính với ma túy M1.

Cơ quan điều tra đã thu giữ được tại Camera an ninh của Công ty C2 ghi lại việc L1 trộm cắp xe mô tô của anh T1 như nêu trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho L1 nhận diện người trong đoạn video thu giữ, kết quả: L1 nhận ra người thực hiện trộm cắp xe mô tô trong video là L1; Tiến hành cho T, L1 và M nhận dạng nhau qua bản ảnh để xác định người tham gia trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, kết quả cả ba đã nhận dạng ra nhau.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 02/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) kết luận, trị giá xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave không gắn biển số của anh T1 bị trộm cắp ngày 25/3/2025 có trị giá 15.000.000 đồng.

Ngày 19/3/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là tỉnh Bắc Ninh) đã Quyết định trưng cầu Phòng K Công an tỉnh B (nay là tỉnh Bắc Ninh) giám định xác định số khung, số máy nguyên thủy của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave không gắn biển số thu giữ của anh L5.

Tại kết luận giám định số 838 ngày 30/5/2025 của Phòng K - Công an tỉnh B (nay là tỉnh Bắc Ninh) kết luận xe mô tô trưng cầu giám định: Dây số máy bị tẩy xóa, số nguyên thủy là JA70E-0675710. Dây số khung bị tẩy xóa, xác định được một phần dây chữ, số là RLHJA..... Số máy trùng khớp với số máy xe mô tô của anh T1 bị trộm cắp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Triệu Minh T, Ma Văn L1 và Nguyễn Văn M, Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị Trưởng Công an phường Q, thị xã V (nay là Công an phường N, tỉnh Bắc Ninh) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định 144 của Chính phủ. Do các bị cáo không biết người bán ma túy là ai, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra và đề cập xử lý.

Đối với Lê Văn L5 không biết xe mô tô mua của M là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Kết quả điều tra xác định: xe mô tô biển số 12ZA-012.30 và điện thoại di động T sử dụng để gọi cho Nguyễn Văn M là tài sản của chị Hoàng Thị N (vợ T) cho T mượn, chị Hoàng Thị N mua trước khi kết hôn với bị cáo T, chị N đã bán lại điện thoại cho người không quen biết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được; điện thoại di động Redmi A1 là tài sản M mượn của chị Lò Thị L4, sinh năm 1985, trú tại bản Huồi Ly, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (nay là xã M, tỉnh Điện Biên) để liên lạc. Chị N, chị L4 không biết M sử dụng tài sản nêu trên vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị N, chị L4. Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô không biển số cho anh T1, trả xe mô tô biển số 12ZA-012.30 cho chị N, các tài sản đồ vật còn lại được nhập kho vật chứng để xử lý theo pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Anh T1 và anh L5 không có yêu cầu các bị cáo bồi thường về dân sự.

Bản cáo trạng số: 12/CT-VKS ngày 18/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh truy tố các bị cáo Triệu Minh T, Ma Văn L1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Triệu Minh T, Ma Văn L1 và Nguyễn Văn M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như kết luận của cơ quan điều tra và cáo trạng đã truy tố là đúng, không oan sai.

Bị hại và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người vắng mặt.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo Triệu Minh T, Ma Văn T2, Nguyễn Văn M và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt **Triệu Minh T** từ 10 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 28/3/2025.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt **Ma Văn L1** từ 09 đến 11 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 28/3/2025.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt **Nguyễn Văn M** từ 09 đến 11 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 28/3/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả cho chị Lò Thị L4 01 chiếc điện thoại di động Redmi A1.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Triệu Minh T, Nguyễn Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí HSST; Miễn án phí cho bị cáo Ma Văn L1.

Các bị cáo không có tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo T: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Bị cáo L1: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Bị cáo M: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng bị cáo đã ly hôn, hiện bị cáo còn bố mẹ già và con nhỏ, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ và được lưu trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, Hội đồng xét xử thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có vi phạm gì. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 17 giờ ngày 25/3/2025, Triệu Minh T điều khiển xe mô tô chở Ma Văn L1 đến Công ty trách nhiệm hữu hạn C2 ở Khu công nghiệp Đ, thuộc địa phận tổ dân phố M, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường N, tỉnh Bắc Ninh) để trộm cắp xe mô tô của công nhân. Tại đây, T đứng bên ngoài cổng Công ty C3; L1 đi đến chỗ để xe mô tô ở cạnh tường bao bên trong cổng Công ty rồi lén lút trộm cắp được 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen bạc, số máy JA70E0675710, số khung RLHJA3930RY253298 (đăng ký biển số 12HA-114.65), trị giá: 15.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 2006, trú tại thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn). Sau đó, T nói cho M biết trộm cắp được xe mô tô của anh T1 và mang xe nhờ M bán bộ. Mạnh chà số khung, số máy xe mô tô của anh T1 rồi bán cho người khác thu được 2.000.000 đồng. Tiền bán xe trộm cắp, M đưa cho T rồi T chia cho M 600.000 đồng, L1 800.000 đồng, T giữ 600.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu giữ được xe mô tô trộm cắp để trả lại bị hại.

Các bị cáo T, L1 đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác với lỗi cố ý trực tiếp do vậy hành vi nêu trên của các bị cáo Triệu Minh T, Ma Văn L1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn M là người có đầy đủ năng lực hành vi, bị cáo biết tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn cố ý trực tiếp tiêu thụ tài sản này. Do vậy hành vi của Nguyễn Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 18/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực hành vi, có khả năng lao động nhưng do ham chơi, không chịu tu chí làm ăn, để thỏa mãn nhu cầu của bản thân các bị cáo T, L1 đã trộm cắp tài sản của người khác để lấy tiền chi tiêu; bị cáo M biết tài sản do các bị cáo T, L1 trộm cắp mà có nhưng vẫn tìm chỗ tiêu thụ tài sản nhằm hưởng lợi bất chính.

Bị cáo Triệu Minh T có 01 tiền sự, bị cáo Nguyễn Văn M đã nhiều lần bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý hành chính về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nhưng không lấy đó làm bài học, tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật của các bị cáo. Các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú và sống lang thang tại địa bàn khu công nghiệp thuộc khu vực phường N, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo việc giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đề nghị mức hình phạt tù có thời hạn của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo nên cần chấp nhận.

[5] Xét về nhân thân các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về nhân thân:

- Bị cáo Ma Văn L1 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

- Bị cáo Triệu Minh T có 01 tiền sự: Ngày 24/10/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 20 tháng.

- Bị cáo Nguyễn Văn M là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị các cơ quan pháp luật xử lý: Bản án số 26/2012/HSST ngày 19/12/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Bản án số 67/2015/HSST ngày 17/6/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 38/2017/HSST ngày 15/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 17/12/2006, bị Công an phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt vi phạm hành chính số tiền 200.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5.3] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Triệu Minh T và Ma Văn L1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Do đó, bị cáo T, L1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn M sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và ra đầu thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét vai trò của các bị cáo thấy :

- Đối với hành vi “Trộm cắp tài sản” của bị cáo Triệu Minh T và Ma Văn L1: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ từ trước.

Bị cáo Triệu Minh T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Ma Văn L1 thực hiện hành vi phạm tội đồng thời là người liên hệ với M, mang chiếc xe trộm cắp được cho M nhờ M bán hộ, là người chia số tiền có được từ việc bán tài sản trộm cắp cho các bị cáo khác nên bị cáo T có vai trò chính trong vụ án.

Bị cáo Ma Văn L1 là người được bị cáo T rủ đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo L1 là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cùng T đem xe trộm cắp được đi tiêu thụ và cùng được hưởng lợi nên bị cáo L1 có vai trò sau trong vụ án.

- Đối với hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có: Bị cáo Nguyễn Văn M một mình thực hiện hành vi này độc lập, không có đồng phạm.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, sống lang thang không có tài sản riêng và nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Nguyễn Văn T1 đã nhận lại được tài sản bị trộm cắp. Đến nay bị hại anh Nguyễn Văn T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn L5 không yêu cầu các bị cáo bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với 01 điện thoại di động Redmi A1 màu xanh, số Imei1: 866681066256942; số Imei2: 866681066256959 M sử dụng vào việc phạm tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đây là tài sản hợp pháp của chị Lò Thị L4, sinh năm 1985, trú tại bản Huổi Lỵ, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (nay là xã M, tỉnh Điện Biên. Chị L4 cho M mượn để sử dụng liên lạc, chị L4 không biết việc M sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho chị Lò Thị L4.

[10] Các vấn đề khác trong vụ án:

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Triệu Minh T, Ma Văn L1 và Nguyễn Văn M, Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị Trưởng Công an phường Q, thị xã V (nay là Công an phường N, tỉnh Bắc Ninh) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định 144 của Chính phủ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người bán ma túy cho các bị cáo: Do các bị cáo không biết người bán ma túy là ai, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra và đề cập xử lý do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Lê Văn L5 không biết xe mô tô mua của M bán cho anh L5 là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với xe mô tô biển số 12ZA-012.30 và điện thoại di động T sử dụng để gọi cho Nguyễn Văn M: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định chị Hoàng Thị N mua các tài sản này trước khi kết hôn với bị cáo T nên đây là các tài sản hợp pháp của chị Hoàng Thị N cho T mượn. Khi cho T mượn chị N không biết T sử dụng các tài sản này vào việc phạm tội. Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô biển số 12ZA-012.30 cho chị N là đúng quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chiếc điện thoại chị N đã bán lại cho người không quen biết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử thấy

- Bị cáo Triệu Minh T, Nguyễn Văn M không thuộc diện được miễn tiền án phí nên cần buộc bị cáo T, M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Ma Văn L1 là người dân tộc thiểu số cư trú sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên cần miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[12] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt **Triệu Minh T** 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 28/3/2025;

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt **Ma Văn L1** 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 28/3/2025;

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt **Nguyễn Văn M** 01 (một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 28/3/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Trả lại 01 điện thoại di động Redmi A1 màu xanh, số Imei1: 866681066256942; số Imei2: 866681066256959 cho chị Lò Thị L4, sinh năm 1985, trú tại bản Huổi Ly, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (nay là xã M, tỉnh Điện Biên).

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/7/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B với Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Bắc Ninh).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Triệu Minh T, Nguyễn Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Ma Văn L1.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2 – Bắc Ninh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Linh Chi